



April 2020 Printed



simon

Barcelona · Belo Horizonte · Brussels · Buenos Aires · Casablanca · Hanoi
Istanbul · Kiev · Lima · Lisbon · Madrid · Mexico D.F · Moscow · New Delhi
Paris · Sao Paulo · Shanghai · Turin · Warsaw · Jakarta

SIMON, S.A.
Tel. +34 902 109100
Web. www.simonelectric.com

Vietnam Office of Simon Electric
Tel. +84 24 3222750
Web. www.simon-apac.com

Simon Electric (China)
Tel. +86 21 3855 5222
Web. <https://www.simon.com.cn/>

PT Simon Elektrik Indonesia
Tel. +62 21 52960373
Web. www.simonelektrik.co.id

Simon Electric (APAC)
Web. www.simon-apac.com
E-mail. info@simon-apac.com

Price List of SWITCHES & SOCKETS

VIETNAM 2020 VERSION
April 2020

simon

INDEX

VISUAL

SWITCHES & SOCKETS COLLECTION



SIMON V8

page. 02



SIMON i7

page. 08



SIMON E6

page. 14



SIMON 50

page. 18



SIMON 51A

page. 24



STANDARD

Switch: IEC 60669-1, Socket: IEC 60884-1

*Remarks:

1.Price include VAT

Giá bán lẻ đã bao gồm VAT.

2.All price and codes are subjected to change without prior notice.

Mã và giá sản phẩm có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

3.Please check detail information or consult local sales representatives for other color combination of V8,50 and 51A series.

Vui lòng liên hệ nhà cung cấp để biết thêm chi tiết về mã màu sản phẩm

Simon|V8

SANG TRỌNG
CAO CẤP



Công tắc
Ổ cắm
Nút bấm
Chiết áp điều khiển
Thiết bị dùng cho khách sạn
Khung viền



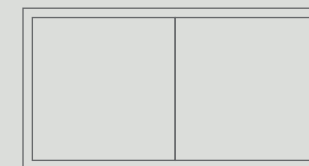
MẶT HẠT NHIỀU MÀU SẮC

White, Black, Champagne

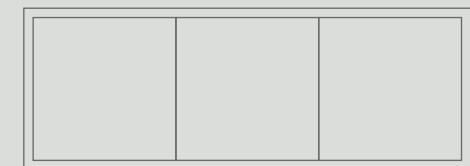
ĐA DẠNG KHUNG VIÊN



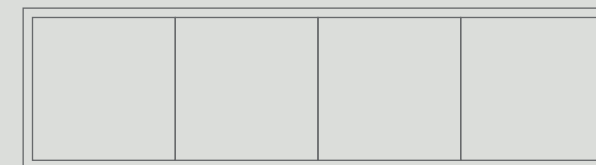
Khung đơn



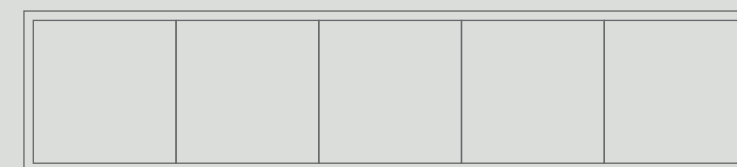
Khung đôi



Khung ba



Khung bốn



Khung năm

Hạt-Module; Khung viền-Frame			COLOUR ►		Trắng		-56 Champagne		-26 Đen				
Mô tả sản phẩm			Mã SP		Giá bán lẻ VND		Mô tả sản phẩm			Mã SP		Giá bán lẻ VND	
Switches / Công tắc													
	Công tắc đơn 16A 1 chiều 1 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)	80101	131,000		Nút nhấn đơn 1 Gang Push-button Switch Module (16A 250V)	80101F	143,000						
		80101-56	198,000			80101F-56	217,000						
		80101-26	198,000			80101F-26	217,000						
	Công tắc đơn 16A 1 chiều có đèn báo 1 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)	80104	191,000		Nút nhấn đơn có đèn LED 1 Gang Push-button Switch Module with LED (16A 250V)	80104F	200,000						
		80104-56	253,000			80104F-56	279,000						
		80104-26	253,000			80104F-26	279,000						
	Công tắc đơn 16A 2 chiều 1 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)	80201	148,000		Chuông cửa Doorbell Switch Module (16A 250V)	80150	135,000						
		80201-56	214,000			80150-56	208,000						
		80201-26	214,000			80150-26	208,000						
	Công tắc đơn 20A 2 cực 1 chiều có LED Double Pole 1 Way Switch with LED (20AX 250V)	80203	453,000		Nút nhấn đôi 2 Gang Push-button Switch Module (16A 250V)	80398F	172,000						
		80203-56	527,000			80398F-56	241,000						
		80203-26	527,000			80398F-26	241,000						
	Công tắc đơn 20A 2 cực 2 chiều có LED Double Pole 2 Way Switch with LED (20AX 250V)	80204	459,000		Nút nhấn đôi có đèn LED 2 gang Push Button w/ LED Indicator (16A 250V)	80396F	272,000						
		80204-56	532,000			80396F-56	336,000						
		80204-26	532,000			80396F-26	336,000						
	Công tắc đơn 32A 2 cực 1 chiều có LED Double Pole 1 Way Switch with LED (32A 250V)	80323	465,000		Nút nhấn ba 3 Gang Push-button Switch Module (16A 250V)	80371F	244,000						
		80323-56	538,000			80371F-56	319,000						
		80323-26	538,000			80371F-26	319,000						
	Công tắc đơn 32A 2 cực 2 chiều có LED Double Pole 2 Way Switch with LED (32A 250V)	80324	471,000		Nút nhấn ba có đèn LED 3 gang Push Button w/ LED Indicator (16A 250V)	80370F	393,000						
		80324-56	544,000			80370F-56	467,000						
		80324-26	544,000			80370F-26	467,000						
	Công tắc trung gian 1 Gang Intermediate Switch Module (16AX 250V)	80397H	226,000										
		80397H-56	303,000										
		80397H-26	303,000										
	Công tắc đôi 16A 1 chiều có đèn báo 2 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)	80396	286,000										
		80396-56	355,000										
		80396-26	355,000										
	Công tắc đôi 16A 2 chiều 2 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)	80397	200,000										
		80397-56	279,000										
		80397-26	279,000										
	Công tắc đôi 16A 1 chiều 2 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)	80398	190,000										
		80398-56	243,000										
		80398-26	243,000										
	Công tắc ba 16A 1 chiều có đèn báo 3 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)	80370	392,000										
		80370-56	453,000										
		80370-26	453,000										
	Công tắc ba 16A 1 chiều 3 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)	80371	224,000										
		80371-56	305,000										
		80371-26	305,000										
	Công tắc ba 16A 2 chiều 3 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)	80372	262,000										
		80372-56	330,000										
		80372-26	330,000										

Hạt-Module; Khung viền-Frame			COLOUR ►		-56 Champagne		-26 Đen	
Mô tả sản phẩm		Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm		Mã SP	Giá bán lẻ VND	
Socket-outlets / Ổ cắm								
	Ổ cắm đa tiêu chuẩn	80430	179,000		Ổ cắm dữ liệu mạng CAT.5e Data Outlet Module (RJ45)	80591	217,000	
		80430-56	260,000			80591-56	279,000	
		80430-26	260,000			80591-26	279,000	
	Ổ cắm đa năng kết hợp 2 cổng sạc USB	80E725	1,462,000		Ổ cắm dữ liệu mạng CAT.6 Data Outlet Module (Cat.6)	80591S6	287,000	
		80E725-56	1,592,000			80591S6-56	359,000	
		80E725-26	1,592,000			80591S6-26	359,000	
	Ổ cắm đôi 2 chấu	80456	183,000		Ổ cắm dữ liệu Cat. 5e đôi Twin Data Outlet Module (RJ45)	80593	317,000	
		80456-56	268,000			80593-56	393,000	
		80456-26	268,000			80593-26	393,000	
	Ổ cắm đơn 3 chấu 16A	80487	179,000		Ổ cắm điện thoại và dữ liệu Cat. 5e Telephone (RJ11) & Data (RJ45) Outlet Module	80599	272,000	
		80487-56	262,000			80599-56	345,000	
		80487-26	262,000			80599-26	345,000	
	Ổ cắm điện thoại và dữ liệu Cat. 6 Telephone (RJ11) & Data (RJ45) Outlet Module (Cat.6)	80599S6	387,000		Ổ cắm kết nối âm thanh (đơn) Speaker Socket	80800Y1	212,000	
		80599S6-56	457,000			80800Y1-56	291,000	
		80599S6-26	457,000			80800Y1-26	291,000	
	Ổ cắm kết nối âm thanh (đôi) Twin Speakers Socket	80800Y2	310,000		Cổng HDMI và USB USB-HDMI Outlet Module	80494	583,000	
		80800Y2-56	403,000			80494-56	655,000	
		80800Y2-26	403,000			80494-26	655,000	
	Ổ cắm kết nối tai nghe VGA 3.5 VGA-3.5 Earphone Outlet Module	80495	548,000					
		80495-56	622,000					
		80495-26	622,000					
Tel, TV and Data Outlets / Ổ tivi, mạng, thoại								
	Ổ cắm Tivi đơn	80476	173,000					
		80476-56	234,000					
		80476-26	234,000					
	Ổ cắm Tivi đôi	80478	235,000					
		80478-56	321,000					
		80478-26	321,000					
	Ổ cắm điện thoại đơn	80480	170,000					
		80480-56	232,000					
		80480-26	232,000					
	Ổ cắm điện thoại đôi	80488	224,000					
		80488-56	300,000					
		80488-26	300,000					
	Ổ cắm TV và điện thoại	80491	224,000					
		80491-56	300,000					
		80491-26	300,000					
	Ổ cắm TV và ổ cắm dữ liệu Cat. 5e	80492	270,000					
		80492-56	338,000					
		80492-26	338,000					



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-56
Champagne

-26
Đen

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND
----------------	-------	-------------------	----------------	-------	-------------------

Control and Regulation / Điều khiển			
	Chiết áp đèn Dimmer Switch Module	80313	591,000
		80313-56	721,000
		80313-26	721,000
	Chiết áp quạt Fan Speed Switch	80317	591,000
		80317-56	667,000
		80317-26	667,000
Hotel Solutions / Giải pháp khách sạn			
	Chuông cửa có đèn báo " Không làm phiền" & "Dọn Phòng" Doorbell Switch with "Do Not Disturb" & "Make Up Room" Indicator	80805	967,000
		80805-56	1,121,000
		80805-26	1,121,000
	Công tắc thẻ Keycard Switch Module	80526	944,000
		80526-56	1,023,000
		80526-26	1,023,000
	Công tắc khẩn cấp Emergency Switch Module	80809	249,000
		80809-56	322,000
		80809-26	322,000
Others / Khác			
	Nút che trơn Blank Plate	80800	102,000
		80800-56	181,000
		80800-26	181,000

Frames / Khung viền			
V8 NATURE FRAME (CRYSTAL) / Mặt kính			
	1 Gang Nature Frame (M) Khung/viền đơn	80611-30	531,000
	1 Gang Nature Frame(L) Khung/viền đơn	80610-30	542,000
	2 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền đôi	80620-30	951,000
	3 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền ba	80630-30	1,344,000
	4 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền 4	80640-30	1,763,000
	5 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền 5	80650-30	2,185,000
	1 Gang Nature Frame (M) Khung/viền đơn	80611-31	531,000
	1 Gang Nature Frame(L) Khung/viền đơn	80610-31	542,000
	2 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền đôi	80620-31	951,000
	3 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền ba	80630-31	1,344,000
	4 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền bốn	80640-31	1,763,000
	5 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền 5	80650-31	2,185,000
	1 Gang Nature Frame (M) Khung/viền đơn	80611-63	531,000
	1 Gang Nature Frame(L) Khung/viền đơn	80610-63	542,000
	2 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền đôi	80620-63	951,000
	3 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền ba	80630-63	1,344,000
	4 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền bốn	80640-63	1,763,000
	5 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền 5	80650-63	2,185,000
	1 Gang Nature Frame (M) Khung/viền đơn	80611-64	531,000
	1 Gang Nature Frame(L) Khung/viền đơn	80610-64	542,000
	2 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền đôi	80620-64	951,000
	3 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền ba	80630-64	1,344,000
	4 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền bốn	80640-64	1,763,000
	5 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền 5	80650-64	2,185,000
	1 Gang Nature Frame (M) Khung/viền đơn	80611-69	531,000
	1 Gang Nature Frame(L) Khung/viền đơn	80610-69	542,000
	2 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền đôi	80620-69	951,000
	3 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền ba	80630-69	1,344,000
	4 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền bốn	80640-69	1,763,000
	5 Gang Nature Frame (76 type) Khung/viền 5	80650-69	2,185,000



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-56
Champagne

-26
Đen

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND
----------------	-------	-------------------	----------------	-------	-------------------

V8 BASIC FRAME (PLASTIC) / Mặt nhựa			
	1 Gang Basic Frame Khung/viên đơn	80810	56,000
	2 Gang Basic Frame (76 type) Khung/viên đôi	80820	84,000
	3 Gang Basic Frame (76 type) Khung/viên ba	80830	112,000
	4 Gang Basic Frame (76 type) Khung/viên 4	80840	155,000
	5 Gang Basic Frame (76 type) Khung/viên 5	80850	183,000
	1 Gang Basic Frame Khung/viên đơn	80810-56	140,000
	2 Gang Basic Frame (76 type) Khung/viên đôi	80820-56	211,000
	3 Gang Basic Frame (76 type) Khung/viên ba	80830-56	315,000
	4 Gang Basic Frame (76 type) Khung/viên 4	80840-56	396,000
	5 Gang Basic Frame (76 type) Khung/viên 5	80850-56	464,000
V8 CLASSIC FRAME (METAL) / Mặt kim loại			
	2 Gang Classic Frame (76 type) Khung/viên đôi	80821-42	464,000
	3 Gang Classic Frame (76 type) Khung/viên ba	80831-42	653,000
	4 Gang Classic Frame (76 type) Khung/viên 4	80841-42	836,000
	5 Gang Classic Frame (76 type) Khung/viên 5	80851-42	990,000
		2 Gang Classic Frame (76 type) Khung/viên đôi	80821-48
3 Gang Classic Frame (76 type) Khung/viên ba		80831-48	693,000
4 Gang Classic Frame (76 type) Khung/viên 4		80841-48	882,000
5 Gang Classic Frame (76 type) Khung/viên 5		80851-48	1,047,000
		1 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên đơn	80811-42
	2 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên đôi	80822-42	691,000
	3 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên ba	80832-42	985,000
	4 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên 4	80842-42	1,366,000
	5 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên 5	80852-42	1,693,000
	1 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên đơn	80811-48	292,000
	2 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên đôi	80822-48	733,000
	3 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên ba	80832-48	1,033,000
	4 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên 4	80842-48	1,408,000
	5 Gang Basic Frame (86 type) Khung/viên 5	80852-48	1,746,000

V8 KEY CARD FRAME / Khung viền công tắc thẻ			
	Nature Key Card Frame Viên công tắc thẻ	80612-30	625,000
	Nature Key Card Frame (86 type) Viên công tắc thẻ	80613-30	618,000
	Nature Key Card Frame Viên công tắc thẻ	80612-31	625,000
	Nature Key Card Frame (86 type) Viên công tắc thẻ	80613-31	618,000
	Nature Key Card Frame Viên công tắc thẻ	80612-63	625,000
	Nature Key Card Frame (86 type) Viên công tắc thẻ	80613-63	618,000
	Nature Key Card Frame Viên công tắc thẻ	80612-64	625,000
	Nature Key Card Frame (86 type) Viên công tắc thẻ	80613-64	618,000
	Nature Key Card Frame Viên công tắc thẻ	80612-69	625,000
	Nature Key Card Frame (86 type) Viên công tắc thẻ	80613-69	618,000
	Basic Key Card Frame Khung/viên công tắc thẻ đơn	80813	140,000
	Basic Key Card Frame Viên công tắc thẻ V8	80813-56	281,000
	Classic Key Card Frame Viên công tắc thẻ	80815-42	450,000
	Classic Key Card Frame Viên công tắc thẻ	80815-48	478,000

Simon*i*7

ĐƠN GIẢN TINH TẾ ĐẲNG CẤP



Công tắc
Ổ cắm
Ổ cắm TV, điện thoại, dữ liệu, USB, HDMI
Thiết bị dùng cho khách sạn
Nút bấm rèm cửa
Thiết bị khác
Khung viền



MÀU SẮC

White, Champagne, Grey

ĐA DẠNG KHUNG VIỀN



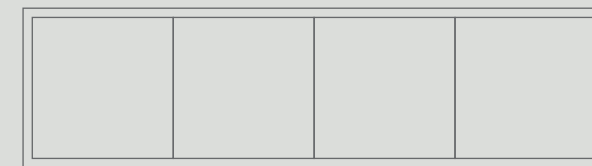
Khung đơn



Khung đôi



Khung ba



Khung bốn



Khung năm



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-46
Champagne

-61
Grey(xám)

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND
----------------	-------	----------------	----------------	-------	----------------

Switches / Công tắc		
	Module công tắc đơn, một chiều 1 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)	701011 96,000
		701011-46 140,000
		701011-61 140,000
	Module công tắc đơn, hai chiều 1 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)	701012 113,000
		701012-46 157,000
		701012-61 157,000
	Module công tắc đơn, một chiều có đèn LED 1 Gang 1 Way Switch Module with LED (16AX 250V)	701013 197,000
		701013-46 241,000
		701013-61 241,000
	Module công tắc đơn, hai chiều có đèn LED 1 Gang 2 Way Switch Module with LED (16AX 250V)	701014 234,000
		701014-46 278,000
		701014-61 278,000
	Module công tắc trung gian đơn 1 Gang Intermediate Switch Module (16AX 250V)	701026 184,000
		701026-46 228,000
		701026-61 228,000
	Công tắc đơn 20A, hai cực, có đèn LED xanh Double Pole Switch Module with LED (20AX 250V)	702023 362,000
		702023-46 406,000
		702023-61 406,000
	Công tắc đơn 20A, hai cực, hai chiều có đèn LED xanh Double Pole Two Way Module with LED (20AX 250V)	702024 498,000
		702024-46 542,000
		702024-61 542,000
	Công tắc đơn 32A, hai cực, một chiều, có đèn LED xanh Double Pole Switch Module with LED (32A 250V)	703223 420,000
		703223-46 464,000
		703223-61 464,000
	Công tắc đơn 32A, hai cực, hai chiều, đèn LED xanh Double Pole Two Way Module with LED (32A 250V)	703224 529,000
		703224-46 573,000
		703224-61 573,000
	Module công tắc đôi, một chiều 2 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)	701021 139,000
		701021-46 183,000
		701021-61 183,000
	Module công tắc đôi, hai chiều 2 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)	701022 175,000
		701022-46 219,000
		701022-61 219,000
	Module công tắc đôi, một chiều có đèn LED 2 Gang 1 Way Switch Module with LED (16AX 250V)	701023 340,000
		701023-46 384,000
		701023-61 384,000
	Module công tắc đôi, hai chiều có đèn LED 2 Gang 2 Way Switch Module with LED (16AX 250V)	701024 411,000
		701024-46 455,000
		701024-61 455,000
	Module công tắc trung gian đôi 2 Gang Intermediate Switch Module (10AX 250V)	701046 273,000
		701046-46 317,000
		701046-61 317,000

	Module công tắc ba, một chiều 3 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)	701031 169,000
		701031-46 213,000
		701031-61 213,000
	Module công tắc ba, hai chiều 3 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)	701032 224,000
		701032-46 268,000
		701032-61 268,000
	Module công tắc ba, một chiều có đèn LED 3 Gang 1 Way Switch Module with LED (16AX 250V)	701033 464,000
		701033-46 508,000
		701033-61 508,000
	Module công tắc ba, hai chiều có đèn LED 3 Gang 2 Way Switch Module with LED (16AX 250V)	701034 536,000
		701034-46 580,000
		701034-61 580,000
	Module công tắc bốn, một chiều 4 Gang 1 Way Switch Module (10AX 250V)	701041 224,000
		701041-46 268,000
		701041-61 268,000
	Module công tắc bốn, hai chiều 4 Gang 2 Way Switch Module (10AX 250V)	701042 313,000
		701042-46 357,000
		701042-61 357,000
	Module công tắc bốn, một chiều có đèn LED 4 Gang 1 Way Switch Module with LED (10AX 250V)	701043 612,000
		701043-46 656,000
		701043-61 656,000
	Module công tắc bốn, hai chiều có đèn LED 4 Gang 2 Way Switch Module with LED (10AX 250V)	701044 709,000
		701044-46 753,000
		701044-61 753,000

Push Button / Nút nhấn		
	Module nút nhấn công tắc đơn 1 Gang Push-button Switch Module (16A 250V)	701011F 97,000
		701011F-46 141,000
		701011F-61 141,000
	Module công tắc chuông cửa Doorbell switch module (16A 250V)	706301 116,000
		706301-46 160,000
		706301-61 160,000
	Module nút nhấn công tắc đôi 2g push-button switch module (16A 250V)	701021F 142,000
		701021F-46 186,000
		701021F-61 186,000
	Module nút nhấn công tắc ba 3gang push button switch module (16A 250V)	701031F 208,000
		701031F-46 252,000
		701031F-61 252,000



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-46
Champagne

-61
Grey(xám)

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND
----------------	-------	----------------	----------------	-------	----------------

Socket-outlets / Ổ cắm		
	Ổ cắm đôi hai chấu 10A, dùng cho chấu tròn và dẹt 2 Gang 2 Pin Socket Module (10A 250V)	701072 162,000
		701072-46 206,000
		701072-61 206,000
	Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn 10A và ổ cắm 2 chấu dùng cho chấu tròn&dẹt 2 Pin Socket and Multi-standard Socket Module (10A 250V)	701080 203,000
		701080-46 247,000
		701080-61 247,000
	Module ổ cắm đơn chuẩn Âu-Mỹ, 16A Single Euro-US Socket Module (16A 250V)	701087 177,000
		701087-46 221,000
		701087-61 221,000
	Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn kèm công tắc Multi-standard Socket Module with Switch (13A 250V)	701089 185,000
		701089-46 229,000
		701089-61 229,000
	Ổ cắm đơn Schuko 16A Schuko Socket Module (16A 250V)	701687 173,000
		701687-46 217,000
		701687-61 217,000
	Ổ cắm đa tiêu chuẩn + 2 cổng sạc USB Multi-standard Socket with Twin USB Charger (13A 250V)	70E725 1,029,000
		70E725-46 1,073,000
		70E725-61 1,073,000
	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu chuẩn Âu-Mỹ 16A(Bao gồm 1 module và 1 khung) Twin Euro-US Socket (combined with frame) (16A 250V)	711287 246,000
		711287-46 290,000
		711287-61 290,000

Tel, TV and Data Outlets / Ổ tivi, mạng, thoại		
	Module ổ cắm TV đơn TV Outlet Module	705111 171,000
		705111-46 215,000
		705111-61 215,000
	Module ổ cắm TV chuẩn F TV Outlet Module with F Connector	705114 147,000
		705114-46 191,000
		705114-61 191,000
	Ổ cắm TV đôi Twin TV Outlet Module	705119 267,000
		705119-46 311,000
		705119-61 311,000
	Ổ cắm TV và ổ cắm TV chuẩn F TV and TV with F Connector Module	705119S 207,000
		705119S-46 251,000
		705119S-61 251,000
	Module ổ cắm điện thoại đơn Telephone Outlet Module (RJ11)	705214 121,000
		705214-46 165,000
		705214-61 165,000
	Module ổ cắm dữ liệu đơn Cat5e Data Outlet Module (Cat5e)	705218 201,000
		705218-46 245,000
		705218-61 245,000

	Module ổ cắm điện thoại đôi Twin Telephone Outlet Module (RJ11)	705224 232,000
		705224-46 276,000
		705224-61 276,000
	Module ổ cắm dữ liệu đôi Cat5e Twin Data Outlet Module (Cat5e)	705228 348,000
		705228-46 392,000
		705228-61 392,000
	Module ổ cắm điện thoại và dữ liệu Cat5e Telephone & Data Outlet Module	705229 292,000
		705229-46 336,000
		705229-61 336,000
	Module ổ cắm TV và điện thoại Telephone & TV Outlet Module	705301 271,000
		705301-46 315,000
		705301-61 315,000
	Module ổ cắm Tv và dữ liệu Cat5e TV and Data Outlet Module (Cat5e)	705302 287,000
		705302-46 331,000
		705302-61 331,000
	Module ổ cắm TV và dữ liệu Cat6 TV and Data Outlet Module (Cat6)	705602 347,000
		705602-46 391,000
		705602-61 391,000
	Module ổ cắm dữ liệu Cat6 đơn Data Outlet Module (Cat6)	705618 250,000
		705618-46 294,000
		705618-61 294,000
	Module ổ cắm dữ liệu đôi Cat6 Twin Data Outlet Module (Cat6)	705628 457,000
		705628-46 501,000
		705628-61 501,000
	Ổ cắm điện thoại kết nối RJ11 và ổ cắm dữ liệu Cat6 Telephone and Data Outlet Module (Cat6)	705629 421,000
		705629-46 465,000
		705629-61 465,000
	Module ổ cắm loa Speakers Outlet Module	705401 354,000
		705401-46 398,000
		705401-61 398,000
	Module ổ cắm đôi loa Twin Speakers Outlet Module	705402 638,000
		705402-46 682,000
		705402-61 682,000
	Ổ cắm AV-S AV-S Multimedia Socket Module	700493 697,000
		700493-46 741,000
		700493-61 741,000
	Ổ cắm USB và HDMI USB and HDMI Outlet Module	700494 461,000
		700494-46 505,000
		700494-61 505,000
	Module ổ cắm VGA và tai nghe 3.5 VGA-3.5 and Audio Outlet Module	700495 438,000
		700495-46 482,000
		700495-61 482,000

Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-46
Champagne

-61
Grey(xám)

Mô tả sản phẩm

Mã SP

Giá bán lẻ VND

Mô tả sản phẩm

Mã SP

Giá bán lẻ VND

	Module sạc USB (5V 2,4A)	70E727	2,086,000
	+ USB type C (45W)	70E727-46	2,134,000
	Type-C Outlet	70E727-61	2,134,000

Control and Regulation / Điều khiển

	Module chiết áp đèn 200W 200W LED Dimmer Switch Module	70E102	687,000
		70E102-46	739,000
		70E102-61	739,000

	Module chiết áp quạt 200W Fan Regulator Switch Module	70E201	516,000
		70E201-46	560,000
		70E201-61	560,000

	Module cảm biến chuyển động 100W 100W Presence Detector Switch Module	70E301	778,000
		70E301-46	822,000
		70E301-61	822,000

	Cảm biến âm thanh và ánh sáng 160W 160W Voice and Light Control Switch Module	70E401	910,000
		70E401-46	954,000
		70E401-61	954,000

	Module công tắc đặt thời gian trễ 160W Touch Time Delay Switch Module	70E501	699,000
		70E501-46	743,000
		70E501-61	743,000

	Chiết áp âm lượng 4 vị trí, đầu 3 dây 4-Channel Volume Control Switch (3 wires)	70E621	339,000
		70E621-46	383,000
		70E621-61	383,000

Hotel Solutions / Giải pháp khách sạn

	Bộ công tắc mời dọn phòng & không làm phiền 2 Gang 2Way Switch Module with "Do Not Disturb" & "Make Up Room"(with LED)	D701024	445,000
		D701024-46	489,000
		D701024-61	489,000

	Nút nhấn chuông có hiển thị "Không làm phiền" Doorbell Switch Module with "Do Not Disturb"Indicator	70E611	1,352,000
		70E611-46	1,396,000
		70E611-61	1,396,000

	Công tắc chuông có hiển thị "Không làm phiền" và " Mời dọn phòng" Doorbell Switch Module with "Do Not Disturb"&"Make Up Room" Indicator	70E612	1,391,000
		70E612-46	1,435,000
		70E612-61	1,435,000

	Chuông cửa với hiển thị "Mời dọn phòng", "Không làm phiền", "Chờ 1 phút" "Make Up room","Wait A minute","Someone In" Indicator (The language of indicator is English & Chinese)	45E611-61	1,405,000

	Bộ phát wifi trong phòng WiFi Router Module	70E741	1,631,000
		70E741-46	1,675,000
		70E741-61	1,675,000

	Công tắc thẻ 20A KeyCard Switch Module	70E601	938,000
		70E601-46	982,000
		70E601-61	982,000

	Công tắc thẻ từ RFID RFID KeyCard Switch Module	70E602	1,205,000
		70E602-46	1,249,000
		70E602-61	1,249,000

	Công tắc khẩn cấp Emergency Switch Module	705901	171,000
		705901-46	215,000
		705901-61	215,000

	Bộ ổ cắm dao cạo râu Shaver Socket (146) Module	714504	1,260,000
		714504-46	1,304,000
		714504-61	1,304,000

	Đèn chân cầu thang 3000K có cảm biến chuyển động 3000K Sensory Footlight Module	70E733	641,000
		70E733-46	685,000
		70E733-61	685,000

	Bộ ổ cắm dao cạo râu Shaver Outlet Module	70E651	945,000
		70E651-46	989,000
		70E651-61	989,000

Others / Khác

	Mặt che trơn 1 Gang Blank Plate	701000	40,000
		701000-46	84,000
		701000-61	84,000

	Đèn chân cầu thang 6000K 6000K Footlight Module	70E731	507,000

	Đèn chân cầu thang 3000K 3000K Footlight Module	70E732	507,000

Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-46
Champagne

-61
Grey(xám)

Mô tả sản phẩm

Mã SP

Giá bán lẻ VND

Mô tả sản phẩm

Mã SP

Giá bán lẻ VND

Frames / Khung viền

	Khung đơn 1 gang frame	700610	28,000
		700610-46	56,000
		700610-61	56,000

	Khung đôi 2 gang frame	700620	60,000
		700620-46	88,000
		700620-61	88,000

	Khung ba 3 gang frame	700630	89,000
		700630-46	117,000
		700630-61	117,000

	Khung bốn 4 gang frame	700640	106,000
		700640-46	134,000
		700640-61	134,000

	Khung năm 5 gang frame	700650	125,000
		700650-46	153,000
		700650-61	153,000

Simon|E6

TRẦN VIÊN TINH TẾ ẤN TƯỢNG



Công tắc
Ổ cắm
Ổ cắm TV, điện thoại, dữ liệu, USB
Thiết bị khác
Khung viền



MÀU SẮC

White, Champagne, Grey

ĐA DẠNG KHUNG VIÊN



Khung đôi



Khung ba



Khung bốn



Khung năm



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-46
Champagne

-61
Grey(xám)

Mô tả sản phẩm

Mã SP

Giá bán lẻ
VND

Mô tả sản phẩm

Mã SP

Giá bán lẻ
VND

Switches / Công tắc		
	Module công tắc đơn, một chiều 1 Gang 1 Way Switch (16AX 250V)	721011 86,000 721011-46 126,000 721011-61 126,000
	Module công tắc đơn, hai chiều 1 Gang 2 Way Switch (16AX 250V)	721012 102,000 721012-46 142,000 721012-61 142,000
	Module công tắc đơn, một chiều có đèn LED 1 Gang 1 Way Switch with LED (16AX 250V)	721013 178,000 721013-46 218,000 721013-61 218,000
	Module công tắc trung gian đơn 1 Gang Intermediate Switch (16AX 250V)	721026 165,000 721026-46 205,000 721026-61 205,000
	Công tắc đơn 20A, 1 chiều, 2 cực có đèn LED Double Pole Switch Module with LED (20AX 250V)	722023 326,000 722023-46 366,000 722023-61 366,000
	Công tắc đơn 20A, 2 chiều, 2 cực có đèn LED Double Pole Two Way Module with LED (20AX 250V)	722024 448,000 722024-46 488,000 722024-61 488,000
	Công tắc đơn 32A, 1 chiều, 2 cực có đèn LED Double Pole Switch Module with LED (32A 250V)	723223 378,000 723223-46 418,000 723223-61 418,000
	Công tắc đơn 32A, 2 chiều, 2 cực có đèn LED Double Pole Two Way Module with LED (32A 250V)	723224 476,000 723224-46 516,000 723224-61 516,000
	Module công tắc đôi, một chiều 2 Gang 1 Way Switch (16AX 250V)	721021 125,000 721021-46 165,000 721021-61 165,000
	Module công tắc đôi, hai chiều 2 Gang 2 Way Switch (16AX 250V)	721022 158,000 721022-46 198,000 721022-61 198,000
	Module công tắc đôi, một chiều có đèn LED 2 Gang 1 Way Switch with LED (16AX 250V)	721023 306,000 721023-46 346,000 721023-61 346,000
	Module công tắc trung gian đôi 2 Gang Intermediate Switch (10AX 250V)	721046 217,000 721046-46 257,000 721046-61 257,000
	Module công tắc ba, một chiều 3 Gang 1 Way Switch (16AX 250V)	721031 152,000 721031-46 192,000 721031-61 192,000
	Module công tắc ba, hai chiều 3 Gang 2 Way Switch (16AX 250V)	721032 201,000 721032-46 241,000 721032-61 241,000

	Module công tắc ba, một chiều có đèn LED 3 Gang 1 Way Switch with LED (16AX 250V)	721033 418,000 721033-46 458,000 721033-61 458,000
	Module công tắc bốn, một chiều 4 Gang 1 Way Switch (10AX 250V)	721041 182,000 721041-46 222,000 721041-61 222,000
	Module công tắc bốn, hai chiều 4 Gang 2 Way Switch (10AX 250V)	721042 242,000 721042-46 282,000 721042-61 282,000
	Module công tắc bốn, một chiều có đèn LED 4 Gang 1 Way Switch with LED (10AX 250V)	721043 501,000 721043-46 541,000 721043-61 541,000

Push Button Switches / Nút nhấn		
	Module công tắc chuông cửa Doorbel Switch (16A 250V)	726301 104,000 726301-46 144,000 726301-61 144,000

Socket-outlets / Ổ cắm		
	Ổ cắm đôi hai chấu 10A, dùng cho chấu tròn và dẹt Twin 2 Pin Socket (10A 250V)	721072 146,000 721072-46 186,000 721072-61 186,000
	Ổ cắm đơn chuẩn Âu-Mỹ 16A EURO-US Socket with Earth Contact (16A 250V)	721087 160,000 721087-46 200,000 721087-61 200,000
	Ổ cắm đôi chuẩn Âu-Mỹ 16A Twin EURO-US Socket with Earth Contact (16A 250V)	721287 221,000 721287-46 261,000 721287-61 261,000
	Ổ cắm chuẩn Anh 13A kèm công tắc 13A BS Switched Socket (13A 250V)	721382 152,000 721382-46 192,000 721382-61 192,000
	Ổ cắm 15A chuẩn Anh có công tắc (tròn) 15A BS Switched Socket (15A 250V)	721582 213,000 721582-46 253,000 721582-61 253,000
	Ổ cắm đơn Schuko 16A Schuko Socket (16A 250V)	721687 158,000 721687-46 198,000 721687-61 198,000
	Ổ cắm đơn đa tiêu chuẩn 13A có cổng sạc USB Multi-standard Socketwith Twin USB Charger (13A 250V)	72E725 926,000 72E725-46 966,000 72E725-61 966,000
	Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn 10A và ổ cắm 2 chấu dùng cho chấu tròn&dẹt 2 Pin Socket and Multi-standard Socket (10A 250V)	721080 193,000 721080-46 233,000 721080-61 233,000

Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-46
Champagne

-61
Grey(xám)

Mô tả sản phẩm

Mã SP

Giá bán lẻ
VND

Mô tả sản phẩm

Mã SP

Giá bán lẻ
VND

	Ổ cắm đơn đa tiêu chuẩn 13A kèm công tắc Multi-standard Socket with Switch (13A 250V)	721089 166,000 721089-46 206,000 721089-61 206,000
	Tel, TV and Data Outlets / Ổ tivi, mạng, thoại	
	Module ổ cắm TV đơn TV Outlet	725111 154,000 725111-46 194,000 725111-61 194,000
	Module ổ cắm TV chuẩn F TV Outlet F Type Connector	725114 132,000 725114-46 172,000 725114-61 172,000
	Module ổ cắm điện thoại đơn Telephone Outlet	725214 109,000 725214-46 149,000 725214-61 149,000
	Module ổ cắm dữ liệu đơn Cat5e Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	725218 180,000 725218-46 220,000 725218-61 220,000
	Module ổ cắm dữ liệu Cat6 đơn Data Outlet (Cat. 6)	725618 225,000 725618-46 265,000 725618-61 265,000
	Module ổ cắm điện thoại đôi Twin Telephone Outlet (RJ11)	725224 209,000 725224-46 249,000 725224-61 249,000
	Module ổ cắm dữ liệu đôi Cat5e Twin Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	725228 313,000 725228-46 353,000 725228-61 353,000
	Ổ cắm dữ liệu đôi Cat. 6 Twin Data Outlet (Cat.6)	725628 411,000 725628-46 451,000 725628-61 451,000
	Module ổ cắm điện thoại và dữ liệu Cat5e Telephone (RJ11) and Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	725229 263,000 725229-46 303,000 725229-61 303,000
	Module ổ cắm TV và điện thoại TV and Telephone Outlet (RJ11)	725301 244,000 725301-46 284,000 725301-61 284,000
	Module ổ cắm Tv và dữ liệu Cat5e TV and Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	725302 258,000 725302-46 298,000 725302-61 298,000
	Module ổ cắm loa Speakers Outlet	725401 318,000 725401-46 358,000 725401-61 358,000

	Module ổ cắm đôi loa Twin Speakers Outlet	725402 575,000 725402-46 615,000 725402-61 615,000
---	--	--

Control and Regulation / Điều khiển		
	Module chiết áp đèn 200W 200W LED Dimmer Switch	72E102 516,000 72E102-46 563,000 72E102-61 563,000
	Module chiết áp quạt Fan Regulator Switch (2-wire)	72E201 464,000 72E201-46 504,000 72E201-61 504,000
	Chiết áp âm lượng 4 vị trí, đầu 3 dây 4-Channel Volume Control Switch (3 wires)	72E621 305,000 72E621-46 345,000 72E621-61 345,000
	Chiết áp âm lượng 4 vị trí, đầu 7 dây 4-Channel Volume Control Switch (7 wires)	72E622 530,000 72E622-46 570,000 72E622-61 570,000
	Công tắc khẩn cấp Emergency Switch	725901 154,000 725901-46 194,000 725901-61 194,000
	Mặt che trơn Blank Plate	721000 36,000 721000-46 76,000 721000-61 76,000
	Công tắc thẻ 20A Keycard Switch (3 wires)	72E601 844,000 72E601-46 884,000 72E601-61 884,000

Frames / Khung viền		
	Khung viền đơn 1 gang frame(*Optional)	720610 26,000 720610-46 51,000 720610-61 51,000
	Khung đôi 2 gang frame	720620 36,000 720620-46 62,000 720620-61 62,000
	Khung ba 3 gang frame	720630 43,000 720630-46 70,000 720630-61 70,000
	Khung bốn 4 gang frame	720640 55,000 720640-46 81,000 720640-61 81,000
	Khung năm 5 gang frame	720650 85,000 720650-46 112,000 720650-61 112,000

Simon|50

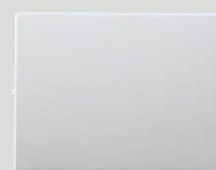
ĐA DẠNG
HIỆN ĐẠI
DỄ SỬ DỤNG



Công tắc
Ổ cắm
Ổ cắm TV, điện thoại, dữ liệu, USB
Nút bấm rèm cửa
Thiết bị khác
Thiết bị dùng cho khách sạn



MẶT HẠT



White



Silver



Champagne



Matt Black

KHUNG VIỀN



White



Silver



Champagne



Matt Black



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng	-S Bạc	-C Champagne
-------	--------	--------------

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND		
Switches / Công tắc							
	Bộ công tắc đơn, 1 chiều	51011B	59,000		Bộ công tắc đôi, 1 chiều có đèn LED	51021BD	206,000
	1 Gang 1 Way Switch	51011BC	114,000		2 Gang 1 Way Switch with LED	51021BDC	261,000
	(10AX 250V)	51011BS	114,000		(10AX 250V)	51021BDS	261,000
	Bộ công tắc đơn, 1 chiều có dải phản quang	51011BTY	68,000		Bộ công tắc đôi 2 chiều	51022B	95,000
	1 Gang 1 Way Switch with Fluorescent	51011BTYC	123,000		2 Gang 2 Way Switch	51022BC	150,000
	(10AX 250V)	51011BTYS	123,000		(10AX 250V)	51022BS	150,000
	Bộ công tắc đơn, 1 chiều có đèn LED	51011BD	118,000		Bộ công tắc đôi, 2 chiều có dải phản quang	51022BTY	108,000
	1 Gang 1 Way Switch with LED	51011BDC	173,000		2 Gang 2 Way Switch with Fluorescent	51022BTYC	163,000
	(10AX 250V)	51011BDS	173,000		(10AX 250V)	51022BTYS	163,000
	Bộ công tắc đơn, 2 chiều	51012B	67,000		Bộ công tắc đôi 2 chiều có đèn LED	51022BD	309,000
	1 Gang 2 Way Switch	51012BC	122,000		2 Gang 2 Way Switch with LED	51022BDC	364,000
	(10AX 250V)	51012BS	122,000		(10AX 250V)	51022BDS	364,000
	Bộ công tắc đơn, 2 chiều có dải phản quang	51012BTY	79,000		Bộ công tắc trung gian đôi	51046B	222,000
	1 Gang 2 Way Switch with Fluorescent	51012BTYC	134,000		2 Gang Intermediate Switch	51046BC	277,000
	(10AX 250V)	51012BTYS	134,000		(10AX 250V)	51046BS	277,000
	Bộ công tắc đơn 2 chiều có đèn LED	51012BD	178,000		Bộ công tắc ba, 1 chiều	51031B	108,000
	1 Gang 2 Way Switch with LED	51012BDC	233,000		3 Gang 1 Way Switch	51031BC	163,000
	(10AX 250V)	51012BDS	233,000		(10AX 250V)	51031BS	163,000
	Bộ công tắc đơn trung gian đơn	51026B	131,000		Bộ công tắc ba, 1 chiều có dải phản quang	51031BTY	123,000
	Intermediate Switch	51026BC	186,000		3 Gang 1 Way Switch Fluorescent	51031BTYC	178,000
	(10AX 250V)	51026BS	186,000		(10AX 250V)	51031BTYS	178,000
	Bộ công tắc trung gian đơn có dải phản quang	51026BTY	136,000		Bộ công tắc ba, 1 chiều có đèn LED	51031BD	282,000
	Intermediate Switch with Fluorescent	51026BTYC	191,000		3 Gang 1 Way switch with LED	51031BDC	337,000
	(10AX 250V)	51026BTYS	191,000		(10AX 250V)	51031BDS	337,000
	Bộ công tắc đơn, 1 chiều, 2 cực 20A, đèn LED đỏ	52023B	252,000		Bộ công tắc ba, 2 chiều	51032B	124,000
	Double Pole One Way Switch with LED	52023BC	307,000		3 Gang 2 Way Switch	51032BC	179,000
	(20AX 250V)	52023BS	307,000		(10AX 250V)	51032BS	179,000
	Bộ công tắc đơn, 2 chiều, 2 cực 20A, đèn LED đỏ	52024B	330,000		Bộ công tắc ba, 2 chiều có dải phản quang	51032BTY	140,000
	Double Pole Two Way with LED	52024BC	385,000		3 Gang 2 Way Switch with Fluorescent	51032BTYC	195,000
	(20AX 250V)	52024BS	385,000		(10AX 250V)	51032BTYS	195,000
	Bộ công tắc đơn, 1 chiều, 2 cực 32A, đèn LED đỏ	53223B	309,000		Bộ công tắc ba 2 chiều có đèn LED	51032BD	423,000
	Double Pole One Way Switch with LED	53223BC	364,000		3 Gang 2 Way Switch with LED	51032BDC	478,000
	(32A 250V)	53223BS	364,000		(10AX 250V)	51032BDS	478,000
	Bộ công tắc đơn, 2 chiều, 2 cực 32A, đèn LED đỏ	53224B	397,000		Bộ công tắc bốn, 1 chiều	51041B	144,000
	Double Pole Two Way Switch with LED	53224BC	452,000		4 Gang 1 Way Switch	51041BC	199,000
	(32A 250V)	53224BS	452,000		(10AX 250V)	51041BS	199,000
	Bộ công tắc đôi, 1 chiều	51021B	82,000		Bộ công tắc bốn, 1 chiều có dải phản quang	51041BTY	155,000
	2 Gang 1 Way Switch	51021BC	137,000		4 Gang 1 Way Switch with Fluorescent	51041BTYC	210,000
	(10AX 250V)	51021BS	137,000		(10AX 250V)	51041BTYS	210,000
	Bộ công tắc đôi, 1 chiều có dải phản quang	51021BTY	94,000		Bộ công tắc bốn, 2 chiều	51042B	165,000
	2 Gang 1 Way Switch with Fluorescent	51021BTYC	149,000		4 Gang 2 Way Switch	51042BC	220,000
	(10AX 250V)	51021BTYS	149,000		(10AX 250V)	51042BS	220,000
	Bộ công tắc đôi, 2 chiều có dải phản quang	51042BTY	175,000		Bộ công tắc bốn, 2 chiều có dải phản quang	51042BTY	175,000
	4 Gang 2 Way Switch with Fluorescent	51042BTYC	230,000		4 Gang 2 Way Switch with Fluorescent	51042BTYC	230,000
	(10AX 250V)	51042BTYS	230,000		(10AX 250V)	51042BTYS	230,000



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng	-S Bạc	-C Champagne
-------	--------	--------------

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND		
Push Button Switches / Nút nhấn			Socket-outlets / Ổ cắm				
	Bộ công tắc nút nhấn đơn	51011BF	65,000		Ổ cắm 2 chấu dùng cho chấu tròn và dẹt kèm công tắc 2 chiều	51074B	93,000
	1 Gang Push-Button Switch	51011BFC	120,000		2 Pin Socket with 2 Way Switch	51074BC	148,000
	(10A 250V)	51011BFS	120,000		(10A 250V)	51074BS	148,000
	Bộ công tắc nút nhấn đơn có đèn LED	51013BF	118,000		Ổ cắm Schuko	51687	124,000
	1 Gang Push-Button Switch with LED	51013BFC	173,000		Schuko Socket	51687C	179,000
	(10A 250V)	51013BFS	173,000		(16A 250V)	51687S	179,000
	Bộ công tắc nút nhấn chuông	56301B	83,000		Ổ cắm đôi kiểu Âu Mỹ có tiếp đất	51087	157,000
	Doorbel Switch	56301BC	138,000		Twin Euro-US Socket	51087C	212,000
	(10A 250V)	56301BS	138,000		With Earth Contact	51087S	212,000
	Bộ công tắc nút nhấn chuông có dải phản quang	56301BTY	95,000		Ổ cắm 2 chấu dùng cho chấu tròn và dẹt	51071	73,000
	Doorbell Switch with Fluorescent	56301BTYC	150,000		2 Pin Socket	51071C	128,000
	(10A 250V)	56301BTYS	150,000		(10A 250V)	51071S	128,000
	Công tắc chuông có đèn LED	56301BD	109,000		Ổ cắm đôi 2 chấu dùng cho chấu tròn và dẹt	51072	89,000
	Doorbell Switch with LED	56301BDC	164,000		Twin 2 Pin socket	51072C	144,000
	(10A 250V)	56301BDS	164,000		(10A 250V)	51072S	144,000
	Bộ công tắc nút nhấn đôi	51021BF	89,000		Ổ cắm 2 chấu dùng cho chấu tròn & dẹt kèm CT 2 chiều có dạ quang	51074BTY	97,000
	Two gang push-button switch	51021BFC	144,000		2 Pin Socket and 2 Way Switch	51074BTYC	152,000
	(10A 250V)	51021BFS	144,000		(10A 250V)	51074BTYS	152,000
	Bộ công tắc nút nhấn đôi có đèn LED	51023BF	205,000		Ổ cắm 2 chấu dùng cho chấu tròn và dẹt kèm công tắc 1 chiều	51076B	83,000
	Two gang push-button switch with LED indicator	51023BFC	260,000		2 Pin Socket with Switch	51076BC	138,000
	(10A 250V)	51023BFS	260,000		(10A 250V)	51076BS	138,000
	Bộ công tắc nút nhấn ba	51031BF	109,000		Ổ cắm 2 chấu dùng cho chấu tròn & dẹt và ổ cắm đa tiêu chuẩn	51080	134,000
	Three gang push-button switch	51031BFC	164,000		2 Pin Socket and Multi-standard Socket	51080C	189,000
	(10A 250V)	51031BFS	164,000		(10A 250V)	51080S	189,000
	Bộ công tắc nút nhấn ba có đèn LED	51033BF	277,000		Ổ cắm đa tiêu chuẩn kèm công tắc	51089B	146,000
	Three gang push-button switch with LED indicator	51033BFC	332,000		Multi-standard Socket with Switch	51089BC	201,000
	(10A 250V)	51033BFS	332,000		(13A 250V)	51089BS	201,000
				Ổ cắm đa tiêu chuẩn + 2 cổng sạc USB	45E72S	803,000	
				Double USB Chargers	45E725C	858,000	
				(13A 250V)	45E725S	858,000	



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng	-S Bạc	-C Champagne
-------	--------	--------------

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND
----------------	-------	----------------	----------------	-------	----------------

Tel, TV and Data Outlets / Ổ tivi, mạng, thoại		
	Ổ cắm TV kết nối trực tiếp, kt chuẩn 9,52mm và đầu vào chuẩn F TV Outlet	55111 103,000 55111C 158,000 55111S 158,000
	Ổ cắm TV kt chuẩn 9,52mm với 1 kết nối đầu vào chuẩn F có bảo vệ TV Outlet F Type Connector	55114 148,000 55114C 203,000 55114S 203,000
	Ổ cắm TV đôi, kết nối trực tiếp, kt chuẩn 9,52mm với 1 kết nối đầu vào chuẩn F Twin TV Outlet	55119 184,000 55119C 239,000 55119S 239,000
	Bộ ổ cắm TV thường và ổ cắm TV chuẩn F TV and F Type TV Connector Outlet	55119S 127,000 55119SC 182,000 55119SS 182,000
	Ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.5e Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	55218S 160,000 55218SC 215,000 55218SS 215,000
	Ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.6 Data Outlet (RJ45) (Cat.6)	55218S6 177,000 55218S6C 232,000 55218S6S 232,000
	Bộ 2 ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.5e Twin Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	55228S 239,000 55228SC 294,000 55228SS 294,000
	Bộ 2 ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.6 Twin Data Outlet (RJ45) (Cat.6)	55228S6 309,000 55228S6C 364,000 55228S6S 364,000
	Module ổ cắm điện thoại và dữ liệu Cat5e Quadruple Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	55248S 368,000 55248SC 423,000 55248SS 423,000
	Bộ ổ cắm điện thoại RJ11 Telephone Outlet (RJ11)	55214 85,000 55214C 140,000 55214S 140,000

	Ổ cắm điện thoại đôi chuẩn RJ11 Twin Telephone Outlet (RJ11)	55224 155,000 55224C 210,000 55224S 210,000
	Bộ 4 ổ cắm điện thoại chuẩn RJ11 Quadruple Telephone Outlet (RJ11)	55244 456,000 55244C 511,000 55244S 511,000
	Bộ ổ cắm điện thoại chuẩn RJ1 và ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 CAT.5e Telephone (RJ11) and Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	55229S 256,000 55229SC 311,000 55229SS 311,000
	Bộ ổ cắm điện thoại chuẩn RJ1 và ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 CAT.6 Telephone (RJ11) and Data Outlet (RJ45) (Cat.6)	55229S6 319,000 55229S6C 374,000 55229S6S 374,000
	Bộ ổ cắm điện thoại chuẩn RJ11 và ổ cắm TV chuẩn kết nối trực tiếp 9,52mm TV and Telephone Outlet (RJ11)	55301 220,000 55301C 275,000 55301S 275,000
	Bộ ổ cắm Tivi và ổ dữ liệu RJ45 Cat.5e TV and Data Outlet (RJ45) (Cat.5e)	55302S 237,000 55302SC 292,000 55302SS 292,000
	Bộ ổ cắm TV và ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.6 TV and Data Outlet (RJ45) (Cat.6)	55302S6 256,000 55302S6C 311,000 55302S6S 311,000
	Ổ cắm loa Speakers Outlet	55401 119,000 55401C 174,000 55401S 174,000
	Bộ 2 ổ cắm loa Twin Speakers Outlet	55402 184,000 55402C 239,000 55402S 239,000
	Ổ cắm VGA và ổ cắm tai nghe 3.5mm VGA-3.5 Earphone Outlet	55495 309,000 55495C 364,000 55495S 364,000
	Ổ cắm AV-S AV-S Outlet	55493 516,000 55493C 571,000 55493S 571,000
	Ổ cắm USB và HDMI USB-HDMI Outlet	55494 353,000 55494C 408,000 55494S 408,000



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng	-S Bạc	-C Champagne
-------	--------	--------------

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND
----------------	-------	----------------	----------------	-------	----------------

Control and Regulation / Điều khiển		
	Chiết áp đèn sợi đốt (công suất 1000W) 1000W Dimmer	45E102 407,000 45E102C 462,000 45E102S 462,000
	Chiết áp quạt công suất 200W 200W Fan Regulator	45E201 283,000 45E201C 338,000 45E201S 338,000
	Bộ cảm biến chuyển động 100W Presence Detector 100W Incandescent/60W Fluorescent	45E301 671,000 45E301C 726,000 45E301S 726,000
	Cảm biến chuyển động tích hợp kết nối báo cháy 500W/200W (đèn sợi đốt/đèn huỳnh quang) Presence Detector, Fire Fighting Function Integrated 500W Incandescent / 200W Fluorescent	45E303 803,000 45E303C 858,000 45E303S 858,000
	Bộ cảm biến âm thanh, ánh sáng 100W 100W Fluorescent Voice and Light Sensor	45E401 482,000 45E401C 537,000 45E401S 537,000
	Công tắc đặt thời gian trễ dùng cho đèn sợi đốt, công suất 160W Touch Time Delay Switch 100W Incandescent / 60W Fluorescent	45E501 445,000 45E501C 500,000 45E501S 500,000

Hotel Solutions / Giải pháp khách sạn		
	Bộ công tắc nút nhấn chuông có đèn báo 'không làm phiền' Doorbell Switch with "Do Not Disturb" Indicator	56302A 293,000 56302AC 348,000 56302AS 348,000
	Bộ công tắc nút nhấn chuông có đèn "không làm phiền"&"mời dọn phòng" Doorbell with "Do Not Disturb" & "Make Up Room" Indicator	56303A 381,000 56303AC 436,000 56303AS 436,000
	"Ổ cắm dao cạo râu Shaver Outlet	45004 1,185,000 45004C 1,240,000 45004S 1,240,000
	Công tắc thẻ, AC220V±10%, điện trở 16AX hoặc cảm ứng 8AX 16A Keycard Switch	55503 734,000 55503C 789,000 55503S 789,000
	Công tắc khẩn cấp, AC220V±10%, sử dụng với hệ thống chuông báo, trở lại bình thường bằng chìa khóa Emergency Switch	55901 136,000 55901C 191,000 55901S 191,000

Others / Khác		
	Đèn báo LED màu vàng, 2W, 220V~50Hz. LED Pilot Lamp	50802 313,000 50802C 368,000 50802S 368,000
	Chuông cửa với 2 loại âm thanh Doorbell with Two Kinds of Sound	45002 364,000 45002C 419,000 45002S 419,000
	Mặt che trơn Blank Plate	51000 36,000 51000C 91,000 51000S 91,000
	Bộ mặt che chống nước cho công tắc. Waterproof Switch Cover	S154 154,000 S154C 209,000 S154S 209,000
	Bộ mặt che chống nước cho ổ cắm. Waterproof Socket Cover	S155 154,000 S155C 209,000 S155S 209,000
	Mặt che nước cho công tắc (trong suốt) Water proof cover for Switch	S254 154,000
	Mặt che nước cho ổ cắm (trong suốt) Water proof cover for Socket	S255 154,000

Simon|51_A

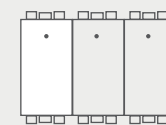
ĐA DẠNG MÀU SẮC TÙY BIẾN CAO



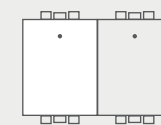
Công tắc
Ổ cắm
Ổ cắm (TV, Điện thoại, Mạng, USB)
Thiết bị khác
Khung viền

Module lắp ghép

Kích thước / Dimension



S module
24×36mm



M module
36×36mm



L module
48×36mm



XL module
72×36mm

Màu sắc



White



Tungsten
-60



Matt Black
-12



Opaque Silver
-57



Gold
-11



Champagne
-52



Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-52
Champagne

-12
Đen

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND
----------------	-------	-------------------	----------------	-------	-------------------

Switches / Công tắc			
	Công tắc đơn 1 chiều có dải phản quang (S module)	H31	22,000
	1 Way Switch Module with Fluorescent (S) (16AX 250V)	H31-52	34,000
		H31-12	34,000
	Công tắc đơn, 1 chiều có đèn LED (S module)	H33	69,000
	1 Way Switch Module with LED (S) (16AX 250V)	H33-52	79,000
		H33-12	79,000
	Công tắc đơn 2 chiều có dải phản quang (S module)	H32	35,000
	2 Way Switch Module with Fluorescent (S) (16AX 250V)	H32-52	45,000
		H32-12	45,000
	Công tắc 1 chiều có đèn báo led, 20A 2 cực (S module)	H2021	123,000
	20A Double Pole Switch Module with Fluorescent (S) (20AX 250V)	H2021-52	133,000
		H2021-12	133,000
	Công tắc đơn 1 chiều có dải phản quang (M module)	H21	30,000
	1 Way Switch Module with Fluorescent (M) (16AX 250V)	H21-52	40,000
		H21-12	40,000
	Công tắc đơn, 1 chiều có đèn LED (M module)	H23	71,000
	1 Way Switch Module with LED (M) (16AX 250V)	H23-52	81,000
		H23-12	81,000
	Công tắc đơn 2 chiều có dải phản quang (M module)	H22	39,000
	2 Way Switch Module with Fluorescent (M) (16AX 250V)	H22-52	49,000
		H22-12	49,000
	Công tắc trung gian đơn có dải phản quang (M module)	H26	105,000
	Intermediate Switch Module with Fluorescent (M) (16AX 250V)	H26-52	115,000
		H26-12	115,000
	Công tắc đơn 1 chiều có dải phản quang (XL module)	H11M	39,000
	1 Way Switch Module with Fluorescent (XL) (16AX 250V)	H11M-52	49,000
		H11M-12	49,000
	Công tắc đơn, 1 chiều có đèn LED (XL module)	H13	76,000
	1 Way Switch Module with LED (XL) (16AX 250V)	H13-52	86,000
		H13-12	86,000
	Công tắc đơn 2 chiều có dải phản quang (XL module)	H12M	45,000
	2 Way Switch Module with Fluorescent (XL) (16AX 250V)	H12M-52	55,000
		H12M-12	55,000
	Công tắc đôi 1 chiều có dải phản quang (M module)	H41	54,000
	2 Gang 1 Way Switch Module with Fluorescent (M) (16AX 250V)	H41-52	64,000
		H41-12	64,000
	Công tắc đôi 2 chiều có dải phản quang (M module)	H42	69,000
	2 Gang 2 Way Switch Module with Fluorescent (M) (16AX 250V)	H42-52	79,000
		H42-12	79,000

Socket-outlets / Ổ cắm			
	Ổ cắm đơn kiểu Âu Mỹ không tiếp đất. (S module)	H71	47,000
	2 Pin Euro-US Socket-Outlet Module (S)	H71-52	57,000
	(16A 250V)	H71-12	57,000
	Ổ cắm 2 chấu, dùng cho chấu tròn và dẹt(S module)	H721	37,000
	2 Pin Socket-Outlet Module (S)	H721-52	47,000
	(10A 250V)	H721-12	47,000
	Ổ cắm 2 chấu, dùng cho chấu tròn và dẹt,(M module)	H72	41,000
	2 Pin Socket-Outlet Module (M)	H72-52	51,000
	(10A 250V)	H72-12	51,000
	Ổ cắm đa tiêu chuẩn 10A 250V~ (M module)	H80	78,000
	Multi-standard Socket-Outlet Module (M)	H80-52	89,000
	(13A 250V)	H80-12	89,000
	Ổ cắm đơn kiểu Âu Mỹ có tiếp đất. (M module)	H82	63,000
	Euro-US Socket Module with Earth Contact (M)	H82-52	73,000
	(16A 250V)	H82-12	73,000
	Ổ cắm đôi kiểu Âu Mỹ có tiếp đất. (XL module)	H86	89,000
	Twin Euro-US Socket Module with Earth Contact (XL)	H86-52	101,000
	(16A 250V)	H86-12	101,000

Tel, TV and Data Outlets / Ổ tivi, mạng, thoại			
	Ổ cắm loa (M module)	H401	86,000
	Speakers Outlet Module (M)	H401-52	96,000
		H401-12	96,000
	Ổ cắm TV kích thước chuẩn 9,52mm kết nối trực tiếp, kết nối đầu vào chuẩn F. 1 bộ chuyển chuẩn F sang kết nối trực tiếp (S Module) TV Outlet Module (S)	H511	79,000
		H511-52	89,000
		H511-12	89,000
	Ổ cắm TV, kích thước chuẩn 9,52mm, kết nối trực tiếp (M module) TV Outlet Module (M)	H51	70,000
		H51-52	80,000
		H51-12	80,000
	Ổ cắm điện thoại chuẩn RJ11 (S module) Telephone Outlet Module (RJ11) (S)	H522	79,000
		H522-52	89,000
		H522-12	89,000
	Ổ cắm điện thoại chuẩn RJ11 (M module) Telephone Outlet Module (RJ11) (M)	H521	104,000
		H521-52	114,000
		H521-12	114,000
	Ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.5e (S module) Data Outlet Module (RJ45) (Cat.5e) (S)	H552	173,000
		H552-52	183,000
		H552-12	183,000

Hạt-Module; Khung viền-Frame

COLOUR ▶

Trắng

-52
Champagne

-12
Đen

Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND	Mô tả sản phẩm	Mã SP	Giá bán lẻ VND
----------------	-------	-------------------	----------------	-------	-------------------

	Ổ cắm truyền dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.5e (M module)	H551	179,000
	Data Outlet Module (RJ45) (Cat.5e) (M)	H551-52	189,000
		H551-12	189,000
	Ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.6e (M module)	H551S6	200,000
	Data Outlet Module (RJ45) (Cat.6) (M)	H551S6-52	210,000
		H551S6-12	210,000
	Ổ cắm dữ liệu chuẩn RJ45 Cat.6e (S module)	H552S6	189,000
	Data Outlet Module (RJ45) (Cat.6) (S)	H552S6-52	199,000
		H552S6-12	199,000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng 2.1A	HE721	630,000
	Double USB Module 2.1A (M)	HE721-52	640,000
		HE721-12	640,000

Others / Khác			
	Mặt che trơn (S module)	H01	11,000
	Blank Plate (S)	H01-52	21,000
		H01-12	21,000
	Mặt che trơn (S module)	H00	11,000
	Blank Plate (M)	H00-52	21,000
		H00-12	21,000
	Chiết áp đèn sợi đốt công suất 400W (L module)	H201	273,000
	400W Dimmer Module (L)	H201-52	283,000
		H201-12	283,000
	Chiết áp quạt 200W (L module)	H202	357,000
	200W Fan Regulator Module (L)	H202-52	367,000
		H202-12	367,000
	Công tắc nút nhấn chuông (M module)	H27	53,000
	Doorbell Switch Module with Fluorescent (M)	H27-52	63,000
		H27-12	63,000
	Công tắc thẻ (XL module)	51AE601	656,000
	Keycard Switch Module	51AE601-52	666,000
		51AE601-12	666,000
	Đèn báo LED (Màu trắng)	H601	64,000
	LED Indicator - white color (S)	H601-52	75,000
		H601-12	75,000
	Đèn báo LED (Màu đỏ)	H602	64,000
	LED Indicator - red color (S)	H602-52	75,000
		H602-12	75,000
	Đèn báo LED (Màu xanh)	H603	64,000
	LED Indicator - green color (S)	H603-52	75,000
		H603-12	75,000

	Mặt che nước, kích thước: ngang 131mm, sâu 30mm, cao 94mm	52154	120,000
	Waterproof cover Size:131mm(w)x30mm(d)x94mm(h)	52154-52	145,000
		52154-12	145,000

Frames / Khung viền

	Khung ngang 120x74mm (khung bên trong 72x36mm)	H118	17,000
	Horizontal 118 Frame (for 3 S Modules, 2 M Modules, 1 S and L Module or for 1 XL Module)	H118-52	56,000
		H118-12	56,000
	Khung ngang 118 (dùng cho 1 module S)	H118-1	17,000
	Horizontal 118 Frame (for 1 S Module)	H118-1-52	56,000
		H118-1-12	56,000
	Khung ngang 118 (dùng cho 2 module S cách)	H118-2	17,000
	Horizontal 118 Frame (for 2 S Modules)	H118-2-52	56,000
		H118-2-12	56,000
	Khung ngang 120x74mm (khung bên trong 36x36mm) Horizontal 118 Frame (for 1 M Module)	H118H	17,000
		H118H-52	56,000
		H118H-12	56,000
	Khung dọc 74x120mm (khung bên trong 36x72mm) Vertical 120 Frame (for 3 S Modules, 2 M Modules, 1 S and L Module or for 1 XL Module)	H120	17,000
		H120-52	56,000
		H120-12	56,000
	Khung ngang 136x74mm (khung bên trong 108x36mm) Horizontal 156 Frame (for 3 M Modules, 1 M and 1 XL Module)	H156	51,000
		H156-52	91,000
		H156-12	91,000
	Khung ngang 200x74mm (khung đôi bên trong 72x36mm) Horizontal 200 Frame (for 6 S Modules, for 4 M Modules, 2 S and L Modules or for 2 XL Modules)	H200	51,000
		H200-52	91,000
		H200-12	91,000
	Khung dọc 120x120mm (khung đôi bên trong 36x72mm) Vertical 120 Frame (for 6 S Modules, 4 M Modules, 2 S and L Modules or for 2 XL Modules)	H120R	51,000
		H120R-52	91,000
		H120R-12	91,000
	Khung dọc 120 dùng cho 1 MCB Vertical 120 Frame (for 1 S Module)	H120-1	17,000
		H120-1-52	56,000
		H120-1-12	56,000
	Khung dọc 120 dùng cho 2 MCB Vertical 120 Frame (for 1 M Module)	H120-2	17,000
		H120-2-52	56,000
		H120-2-12	56,000



— **simon** —
LIGHT UP
EMOTIONS

